

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ CÁT TRÊN SÔNG HẬU THUỘC PHƯỜNG VĨNH MỸ, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC - XÃ KHÁNH HÒA, HUYỆN CHÂU PHÚ VÀ XÃ PHÚ HIỆP, HUYỆN PHÚ TÂN (KHU HẠ NGUỒN)

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Phương án lựa chọn đơn vị đề cấp phép thăm dò tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trên sông Hậu thuộc phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc - xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang,

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo việc lựa chọn đơn vị đề cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trên sông Hậu thuộc phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc - xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân (khu hạ nguồn) với các nội dung như sau:

1. Vị trí khu mỏ: Trên Sông Hậu thuộc phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc - xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân.

2. Diện tích khu mỏ: dự kiến là 38 ha. Ranh giới khu vực mỏ được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

| Tên điểm | Tọa độ VN2000 (KTT 104°45', múi chiếu 3°) | | Ghi chú |
|----------|--|---------|---------|
| | X(m) | Y(m) | |
| 2 | 11 83 837 | 544 331 | |
| 3 | 11 83 786 | 544 560 | |
| 4 | 11 83 665 | 545 192 | |
| 5 | 11 83 280 | 545 126 | |
| 6 | 11 83 345 | 544 586 | |
| 7 | 11 83 427 | 544 205 | |

3. Mức sâu thăm dò, dự kiến khai thác là -14m (Diện tích và mức sâu khai thác có thể thay đổi trong quá trình thăm định các hồ sơ có liên quan để đảm bảo khoảng cách xa bờ tối thiểu 150m đối với khu vực trên sông Hậu; các quy định liên quan đến luồng giao thông thủy nội địa...).

4. Nguyên tắc xây dựng và áp dụng tiêu chí lựa chọn

- Tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các cam kết sau: Cam kết khoáng sản phục vụ đúng mục tiêu của tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khoáng sản là

để phục vụ đẩy nhanh tiến độ các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C; có cam kết hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật (đề xuất số liệu cụ thể).

- Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đảm bảo rõ ràng, minh bạch và phải xây dựng dưới dạng định lượng.

- Tiêu chí phải bảo đảm tính khách quan, khoa học, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Dựa trên các số liệu, dữ kiện khách quan, đồng thời phải phù hợp với các yếu tố kinh tế, văn hóa - xã hội.

- Tiêu chí là cơ sở để chấm điểm ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp lệ và đúng quy định.

- Thành phần hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định nêu trên sẽ không tiến hành xét chọn các tiêu chí khác.

- Tổ chức, cá nhân được chọn đáp ứng tiêu chí và không bị điểm liệt, có số điểm cao nhất trong các hồ sơ theo Bộ tiêu chí (đính kèm);

- Quy định điểm liệt trong tiêu chí lựa chọn là mức điểm giới hạn trong các tiêu chí nhằm xác định tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để được tiến hành xét chọn, được quy định như sau:

- + Tiêu chí 1: Tiêu chí bắt buộc;
- + Tiêu chí 2: Không có điểm liệt;
- + Tiêu chí 3: Điểm liệt dưới 05 điểm;
- + Tiêu chí 4: Không có điểm liệt;
- + Tiêu chí 5: Không có điểm liệt;
- + Tiêu chí 6: Không có điểm liệt.

5. Tiêu chí lựa chọn:

a) Tiêu chí 1: Chủ đầu tư phải có hợp đồng hoặc cam kết cung cấp cát phục vụ cho các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C; trường hợp Chủ đầu tư không có hợp đồng hoặc cam kết thì hồ sơ sẽ không được xem xét và bị loại (Tối đa 20 điểm).

b) Tiêu chí 2: Tiêu chí về vốn góp để tham gia điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản lập hồ sơ địa hình, trữ lượng, dự báo tác động môi trường ở khu vực dự kiến cấp phép thăm dò khoáng sản (Tối đa 10 điểm).

c) Tiêu chí 3: Tiêu chí về vốn điều lệ đối với tổng dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại khu vực đề nghị thăm dò (Thể hiện qua báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng và các tài liệu thuyết minh khác) ≥ 30 tỷ đồng: Tối đa 20 điểm (Vốn điều lệ ≤ 30 tỷ đồng số điểm tính theo tỷ lệ).

d) Tiêu chí 4: Tiêu chí về sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác tiên tiến hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản. Bao gồm: Thiết bị, công nghệ; trình độ nhân lực công nghệ; kinh nghiệm thực hiện dự án (Tối đa 15 điểm).

đ) Tiêu chí 5: Tiêu chí về chấp hành tốt nghĩa vụ tài chính về khoáng sản, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và nhà đầu tư cam kết thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại tỉnh An Giang. Bao gồm: nộp ngân sách; tạo công ăn việc làm cho người lao động và các khoản đóng góp xã hội, từ thiện, phúc lợi xã hội; bảo vệ môi trường; các hình thức được vinh danh (Tối đa 15 điểm).

e) Tiêu chí 6: Hồ sơ dự thầu lựa chọn có đầy đủ báo cáo địa hình, địa chất, đánh giá trữ lượng sơ bộ và chạy mô hình thủy lực đề xuất phương án khai thác (Tối đa 20 điểm).

| STT | Tiêu chí | Điểm chấm | Ghi chú |
|------------|---|--------------|---------|
| I. | Có hợp đồng hoặc cam kết (được chủ đầu tư dự án xác nhận) cung cấp cát san lấp cho dự án tuyến N1 và Quốc lộ 91C | 20 | |
| 1. | Có hợp đồng kinh tế cung cấp cho dự án | 20 | |
| 2. | Có hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản thỏa thuận cung cấp khoáng sản | 15 | |
| 3. | Có đề xuất cung ứng cát cho các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C được chủ đầu tư cho ý kiến ghi nhận đề xuất. Có văn bản cam kết nếu không được chọn cung cấp cát cho các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C sẽ giao lại mỏ để UBND tỉnh An Giang làm thủ tục cho đơn vị được chọn cung ứng cát cho công trình được phép khai khác. | 5 | |
| 4 | Có cam kết cung cấp cát cho các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C (hoặc các dự án thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP). | 3 | |
| II. | Tiêu chí về vốn góp để tham gia điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở khu vực dự kiến cấp phép thăm dò khoáng sản | 10 | |
| 1. | Có hồ sơ khảo sát địa chất khu vực | 4 | |
| 2. | Có hồ sơ tính toán sơ bộ trữ lượng | 4 | |

| | | | |
|-------------|---|------------|----------------------|
| 3. | Có hồ sơ đo đạc địa hình | 2 | |
| III. | Tiêu chí về vốn điều lệ đối với tổng dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại khu vực đề nghị thăm dò | 20 | |
| 1. | Có hồ sơ chứng minh vốn lớn hơn hoặc bằng 30 tỷ đồng dành cho dự án | 20 | |
| 2. | Có hồ sơ chứng minh vốn dành cho dự án nhỏ hơn 30 tỷ đồng, tính theo tỷ lệ | | Tính điểm theo tỷ lệ |
| IV. | Tiêu chí về sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác tiên tiến hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản | 15 | |
| 1. | Thiết bị khai thác | 5 | |
| a. | Chủ sở hữu | 5 | |
| b. | Thuê hoặc liên danh | 3 | |
| 2. | Trình độ nhân lực | 5 | |
| a. | Có kỹ sư khai thác mỏ hoặc cử nhân địa chất | 5 | |
| b. | Không có kỹ sư khai thác mỏ | 0 | |
| 3. | Kinh nghiệm thực hiện dự án | 5 | |
| a. | Đã làm chủ đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản, có ít nhất một dự án đang vận hành sản xuất, kinh doanh | 5 | |
| b. | Đã làm chủ đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản đang triển khai thi công | 3 | |
| c. | Đã liên danh hoặc hợp tác khai thác dự án khai thác khoáng sản đang triển khai thi công | 2 | |
| V. | Tiêu chí về chấp hành tốt nghĩa vụ tài chính về khoáng sản, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường | 15 | |
| 1. | Nộp ngân sách | 5 | |
| a. | Nộp đầy đủ và đúng hạn | 5 | |
| b. | Nộp đầy đủ nhưng chưa đúng hạn | 2 | |
| c. | Nộp chưa đầy đủ | 0 | |
| 2. | Có phương án đào tạo, ưu tiên sử dụng lao động địa phương | 3 | |
| 3. | Các khoản đóng góp phúc lợi xã hội, từ thiện, phúc lợi xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hình thức được vinh danh các dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện (có số liệu cụ thể) | 2 | |
| 4. | Nhà đầu tư đã thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại tỉnh An Giang | 5 | |
| VI. | Tiêu chí hồ sơ dự thầu lựa chọn có đầy đủ báo cáo địa hình, địa chất, đánh giá trữ lượng sơ bộ và chạy mô hình thủy lực đề xuất phương án khai thác | 20 | |
| | TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI) | 100 | |

6. Điều kiện và ưu tiên xét chọn hồ sơ

- Trong trường hợp các tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đều đáp ứng các điều kiện bằng nhau về điểm số tại các tiêu chí nêu trên tại Phụ lục thì tổ chức nào nộp hồ sơ sớm nhất tính theo thời gian ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ sẽ được lựa chọn.

- Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các cam kết (được xác nhận của chủ đầu tư dự án) khoáng sản là để phục vụ đẩy nhanh tiến độ cho các công trình tuyến N1 và Quốc lộ 91C hoặc cho các dự án thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP); có cam kết hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật (đề xuất số liệu cụ thể);

- Trường hợp hết thời gian thông báo tiếp nhận hồ sơ mà chỉ có một đơn vị nộp hồ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản thì đơn vị đó được lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

7. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ gồm 02 bộ và nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

8. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò của tổ chức, cá nhân đầu tiên.

Sở Tài nguyên và Môi trường xin thông báo đến các tổ chức đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định tham gia thực hiện việc lựa chọn cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trên sông Hậu thuộc phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc - xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (khu hạ nguồn)/.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Báo An Giang;
- Sở Thông tin truyền thông (để đăng tải trên trang TTĐT của UBND tỉnh);
- Trung tâm CNTT Sở TNMT (để đăng tải trên trang TTĐT Sở);
- Phòng KSN&BĐKH, KH-TC;
- Lưu: VT.

Nguyễn Việt Trí